

Bản án số: 56/2024/DS-ST

Ngày: 19/9/2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đắc Thắng.
- Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2024/TLST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐST-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T – sinh năm 1943, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Phạm Mai T1 – sinh năm 1979, vắng mặt.

Bà Trần Thị Phương Đ – sinh năm 1979, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Trần Ngọc T như sau:

Vào ngày 10/6/2023, bà Trần Thị Phương Đ và ông Phạm Mai T1 đã vay của ông số tiền 96.000.000đồng, mục đích vay là để trả tiền vật tư xây dựng nhà và hện trả vốn sau 06 tháng. Khi cho vay hai bên có làm biên nhận nợ do bà Đ ký tên và có thỏa thuận lãi suất bằng 03%/tháng, từ lúc vay đến nay bà Đ đã trả cho ông

8.000.000đồng tiền lãi. Đến thời gian giao hẹn, ông trực tiếp gặp bà Đ đòi tiền nhiều lần nhưng vợ chồng ông T1 và bà Đ chỉ hứa hẹn mà không chịu trả nợ cho ông.

Ngày 22/3/2024, ông có làm đơn nhờ Ban lãnh đạo ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang hòa giải và bà Đ thừa nhận còn nợ ông số tiền 96.000.000đồng vốn gốc và 9.000.000đồng tiền lãi, tổng cộng bằng 115.000.000đồng.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc **vợ chồng bà Trần Thị Phương Đ và ông Phạm Mai T1** phải trả cho ông số tiền còn nợ gốc bằng 96.000.000đồng và ông tính lãi theo quy định của bộ luật dân sự bằng 20%/năm, thời gian từ ngày vay 10/6/2023 cho đến ngày hòa giải 18/7/2024 bằng 13 tháng tròn với số tiền lãi bằng 20.800.000đồng, ông đồng ý trừ số tiền lãi mà bà Đ đã trả cho ông bằng 8.000.000đồng, còn lại tiền lãi bằng 12.800.000đồng. Như vậy ông yêu cầu **vợ chồng bà Trần Thị Phương Đ và ông Phạm Mai T1** phải trả cho ông tổng cộng vốn và lãi bằng 108.800.000đồng, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn **ông Phạm Mai T1** đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng **ông Phạm Mai T1** không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của **ông Phạm Mai T1**.

Bị đơn **bà Trần Thị Phương Đ** trình bày tại bản tự khai ngày 11/9/2024 như sau: Tháng 6 năm 2023, bà và chồng là Phạm Mai T1 có vay của ông T số tiền 96.000.000đồng, hiện nay vợ chồng bà vẫn chưa trả hết số tiền này cho ông T và còn nợ 19.000.000đồng tiền lãi. Bà đồng ý trả số tiền 115.000.000đồng cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa **ông Trần Ngọc T** với **ông Phạm Mai T1** và **bà Trần Thị Phương Đ** là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trần Ngọc T có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của **ông Trần Ngọc T** không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự **xét xử vắng mặt ông Trần Ngọc T** là phù hợp.

Ông Phạm Mai T1 và **bà Trần Thị Phương Đ** là bị đơn trong vụ án, **ông bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông bà đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông**

Phạm Mai T1 và bà Trần Thị Phương Đ vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Phạm Mai T1 và bà Trần Thị Phương Đ vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phạm Mai T1 và bà Trần Thị Phương Đ.

[2] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa ông Trần Ngọc T với ông Phạm Mai T1 và bà Trần Thị Phương Đ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Khi ông Trần Ngọc T cho ông Phạm Mai T1 và bà Trần Thị Phương Đ vay tiền, hai bên có viết biên nhận nợ ngày 10/6/2023, bà Trần Thị Phương Đ cũng thừa nhận vợ chồng bà có vay của ông Trần Ngọc T tổng số tiền bằng 96.000.000đồng và hiện còn nợ ông T số tiền vốn cùng 19.000.000đồng tiền lãi, nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của ông T có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Thời gian từ khi vay ngày 10/6/2023 đến nay ông Trần Ngọc T tính tròn bằng 13 tháng và lãi suất bằng 20%/năm thì số tiền lãi bằng 20.800.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự do các bên khi vay có thỏa thuận về lãi suất. Phía ông Trần Ngọc T đồng ý trừ số tiền lãi mà vợ chồng ông T1 và bà Đ đã trả cho ông bằng 8.000.000đồng, ông chỉ yêu cầu vợ chồng ông Phạm Mai T1 và bà Trần Thị Phương Đ trả hết số tiền vốn gốc còn nợ ông Trần Ngọc T bằng 96.000.000đồng và tiền lãi bằng 12.800.000đồng, tổng cộng bằng 108.800.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do phía ông Phạm Mai T1 và Trần Thị Phương Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Ngọc T nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, buộc ông Phạm Mai T1 và Trần Thị Phương Đ phải trả cho ông Trần Ngọc T tổng số tiền 108.800.000đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc ông Phạm Mai T1 và bà Trần Thị Phương Đ phải nộp số tiền 5.440.000đồng (108.800.000đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc T.

Xử: Buộc ông Phạm Mai T1 và bà Trần Thị Phương Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc T số tiền 108.800.000 (một trăm lẻ tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm bằng 20%/năm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm Mai T1 và bà Trần Thị Phương Đ phải nộp số tiền 5.440.000 đồng.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang